

Bản án số: 482/2022/HS-PT
Ngày: 24-11-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Minh Tuấn**

Các thẩm phán: Ông **Lê Tự**

Ông **Nguyễn Văn Tiến**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Văn Phong**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Lê Ra**, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2022, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và tại điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 417/2022/TLPT-HS ngày 01 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo **Trịnh Thị Thanh T** và **Võ Trần Anh M** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Không tố giác tội phạm*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2022/HSST ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Trịnh Thị Thanh T, sinh năm 1983 tại Gia Lai; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trịnh H** và bà **Đặng Thị N**; có chồng là **Võ Trần Anh M** và 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt theo lệnh truy nã ngày 19/01/2021. Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai; có mặt tại phiên tòa.

2. Võ Trần Anh M, sinh năm 1977, tại Gia Lai; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Võ Văn B** và bà **Trần Thị H**; có vợ là **Trịnh Thị Thanh T** và 01 sinh năm

2012; tiền án, tiền sự: Không; ngày 06/9/2021, bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Thị Thanh T:* Ông Hoàng Ngọc X – Luật sư Văn phòng Luật sư B – Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trịnh Thị Thanh T là người không có nghề nghiệp ổn định. Để có tiền đánh bạc (bằng hình thức chơi số đề) và phục vụ nhu cầu chi tiêu cá nhân nên trong thời gian từ ngày 17/01/2019 đến ngày 24/01/2020, T lợi dụng mối quan hệ quen biết, vay mượn trước đó với các bị hại và đã trả đầy đủ, sòng phẳng, tạo được uy tín, được các bị hại tin tưởng, T tiếp tục vay mượn và đưa ra thông tin gian dối về việc vay mượn tiền để làm ăn, hứa hẹn trả lãi suất cao làm cho các bị hại tin tưởng giao tiền cho T rồi chiếm đoạt tổng số tiền 1.906.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm linh sáu triệu đồng) của 06 bị hại, cụ thể như sau:

1. Hành vi chiếm đoạt của: Tạ Thị Thanh T (sinh năm 1983, trú tại: thành phố P, tỉnh Gia Lai) với số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Chị T và vợ chồng Trịnh Thị Thanh T có quen biết với nhau từ trước nên khi được T đặt vấn đề vay tiền để làm ăn và thỏa thuận lãi suất là 250.000đ/100.000.000đ/ngày (tương đương với 7,5%/tháng), T đồng ý cho T mượn 03 lần với tổng số 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và bị T chiếm đoạt, sau đó T bỏ trốn.

Khi làm đơn tố cáo, chị T giao nộp 03 Giấy mượn tiền đề các ngày 17/01/2019; 25/01/2019; 17/2/2019.

2. Hành vi chiếm đoạt của Nguyễn Hữu K (sinh năm: 1986, trú tại: thành phố P, tỉnh Gia Lai) 559.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi chín triệu đồng).

Anh K có quan hệ quen biết với từ trước và T đã nhiều lần vay tiền của anh K đều trả tiền gốc, lãi đầy đủ.

Ngày 06/01/2020, Trịnh Thị Thanh T đưa ra thông tin vay của anh K để làm ăn, đáo hạn Ngân hàng và hứa hẹn trả lãi suất chênh lệch. Do tin tưởng nên anh K đã đưa cho T 620.000.000 đồng (sáu trăm hai mươi triệu đồng), trong đó 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), hứa trả tiền lãi mỗi tháng là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng)/tháng (tương đương lãi suất 5%/tháng), còn lại 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng) thỏa thuận trả góp tiền gốc và lãi mỗi ngày 3.000.000đồng (Ba triệu đồng) trả trong vòng 04 tháng tương ứng số tiền sẽ phải trả 360.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu đồng), trong đó 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng) tiền gốc và 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) tiền lãi. Tính đến ngày 27/3/2020, Trịnh Thị Thanh T trả

cho anh K 61.000.000 đồng (sáu mươi mốt triệu đồng), còn lại số tiền 559.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi chín triệu đồng) chiếm đoạt và bỏ đi khỏi địa phương. Khi làm đơn tố cáo, anh K giao nộp 01 Giấy mượn tiền đề ngày 06/01/2020.

3. Hành vi chiếm đoạt của: Võ Thị T (sinh năm: 1983, trú tại: thành phố P, tỉnh Gia Lai) số tiền 195.000.000 đồng (Một trăm chín mươi lăm triệu đồng).

Chị Võ Thị T quen biết vợ chồng T từ năm 2016 và T đã nhiều lần vay tiền để làm ăn, với lãi suất thỏa thuận là 20.000 đồng/10.000.000đ/ngày (tương đương 6%/tháng). Do tin tưởng nên Võ Thị T đã cho T vay 195.000.000 đồng (Một trăm chín mươi lăm triệu đồng), T chiếm đoạt và bỏ đi khỏi địa phương, không liên lạc được. Khi làm đơn tố cáo, chị T giao nộp 05 “Giấy mượn tiền” đề các ngày 09/9/2019; 11/9/2019; 01/11/2019; 07/12/2019 và 24/01/2020.

4. Hành vi chiếm đoạt của: Phạm Thị Ánh T (sinh năm: 1973, trú tại: thành phố P, tỉnh Gia Lai) số tiền 257.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi bảy triệu đồng).

Chị T có quan hệ quen biết với vợ chồng T từ trước, nên khi T đưa ra thông tin vay tiền để làm ăn với hình thức trả góp cả gốc và lãi, do tin tưởng nên chị T đồng ý, cụ thể:

Ngày 24/9/2019, chị T đưa cho T vay 115.000.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu đồng), trả góp gốc và lãi là 2.000.000đ/ngày (Hai triệu đồng/ngày) trong vòng 60 ngày, T viết thành giấy vay tiền số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng), trong đó có 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền lãi.

Ngày 01/11/2019 (Âm lịch), chị T đưa cho T vay 115.000.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu đồng), trả góp gốc và lãi là 2.000.000đ/ngày (Hai triệu đồng/ngày) trong vòng 60 ngày, T viết thành giấy vay tiền số tiền 120.000.000đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng), trong đó có 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền lãi.

Ngày 29/12/2019 (Âm lịch), chị T cho Trịnh Thị Thanh T vay số tiền 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng) hẹn trả trong vòng 30 ngày, lãi suất là 2.000.000đ/90.000.000đ/tháng.

Ngày 21/01/2020 (Âm lịch), chị T cho Trịnh Thị Thanh T vay 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) hẹn trả trong vòng 30 ngày, lãi suất là 400.000đ/20.000.000đ/tháng.

Tổng số tiền T vay là 340.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi triệu đồng), tính đến ngày 25/3/2020, T đã trả cho chị T 83.000.000 đồng (Tám mươi ba triệu đồng) còn lại 257.000.000đồng (Hai trăm năm mươi bảy triệu đồng) T

chiếm đoạt và bỏ đi khỏi địa phương. Khi làm đơn tố cáo chị T giao nộp 04 “Giấy mượn tiền” đề các ngày 24/9/2019; 01/11/2019; 29/12/2019; 21/01/2020.

5. *Hành vi chiếm đoạt của Nguyễn Thị C (sinh năm: 1983, trú tại: thành phố P, tỉnh Gia Lai) với số tiền 261.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi một triệu đồng).*

Nguyễn Thị C có quen biết với vợ chồng T từ đầu năm 2019, đến khoảng tháng 6 năm 2019, T thường xuyên đưa ra thông tin gian dối để vay tiền của C để làm ăn. Do đó, từ ngày 27/8/2019 đến ngày 17/12/2019, C đã nhiều lần cho vợ chồng M-T vay tiền và đã được trả lại tiền gốc và lãi đầy đủ. Ngày 17/12/2019, chị C với Trịnh Thị Thanh T đối chiếu tiền nợ rồi viết lại Giấy mượn tiền đề ngày 17/12/2019 với số tiền: 360.000.000 đồng (*Ba trăm sáu mươi triệu đồng*), gồm: 310.000.000 đồng (*Ba trăm mười triệu đồng*) tiền gốc và 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) tiền lãi, với thỏa thuận trả góp 3.000.000đ/ngày (*Ba triệu đồng/ngày*) trong thời hạn là 04 tháng. Đến ngày 24/01/2020, T mượn thêm 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*), hẹn 04 tháng trả lại, chị C đồng ý chuyển 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) vào tài khoản BIDV số 6200000092291 của T. Tổng số tiền thực tế chị C đã đưa cho T là 330.000.000 đồng (*Ba trăm ba mươi triệu đồng*). Sau đó, T trả cho chị C 69.000.000 đồng (*Sáu mươi chín triệu đồng*), còn lại 261.000.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi một triệu đồng*) T chiếm đoạt và bỏ đi khỏi địa phương. Khi làm đơn tố cáo, chị C giao nộp 01 Giấy mượn tiền đề ngày 17/12/2019, với số tiền 360.000.000 đồng (*Ba trăm sáu mươi triệu đồng*).

6. *Hành vi chiếm đoạt của Lê M N (sinh năm 1983, trú thành phố P, tỉnh Gia Lai) với số tiền là 334.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi bốn triệu đồng).*

Lê M N có quen biết với vợ chồng Trịnh Thị Thanh T và Võ Trần Anh M vì N là bạn học của T. Đến khoảng tháng 03/2019, N cho T vay tiền và được Thuyên trả lại đầy đủ. Từ ngày 13/9/2019 đến ngày 19/01/2020, do tin tưởng nên N tiếp tục cho vợ chồng T, M vay tổng số tiền 350.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, cụ thể:

Ngày 13/9/2019, Lê M N cho T vay 220.000.000 đồng; T nhận tiền xong thì viết Giấy mượn tiền đề ngày 13/9/2019 rồi cả 2 vợ chồng cùng ký Giấy đưa cho ông N cất giữ.

Ngày 06/01/2020, Lê M N cho T vay số tiền 80.000.000 đồng. Võ Trần Anh M nhận tiền xong thì viết, ký Giấy mượn tiền đề ngày 06/01/2020 rồi đưa cho ông N giữ.

Ngày 19/01/2020, Lê M N cho T vay số tiền 50.000.000 đồng. Trịnh Thị Thanh T nhận tiền xong thì viết, ký Giấy mượn tiền đề ngày 19/01/2020 rồi đưa cho ông N giữ.

Sau khi vay tiền Trịnh Thị Thanh T trả cho N 16.000.000 đồng, sau đó N

vào thành phố Hồ Chí M chữa bệnh nhưng do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 nên đến tháng 12/2021 mới biết Trịnh Thị Thanh T đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai khởi tố, tạm giam về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên tìm gặp M đòi tiền nhưng không được nên ngày 24/12/2021, N đã làm đơn tố giác và giao nộp 03 “Giấy mượn tiền” đề ngày 13/9/2019; 06/01/2020 và 19/01/2020. Đến ngày 19/01/2022, Võ Trần Anh M trả cho N 45.000.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền mà Trịnh Thị Thanh T đã chiếm đoạt của 06 bị hại là 1.906.000.000 đồng (*Một tỷ chín trăm linh sáu triệu đồng*).

Tại Cơ quan điều tra Trịnh Thị Thanh T khai nhận: Khoảng cuối năm 2018, T tham gia chơi đánh bạc bằng hình thức ghi số đề và bị thua cùng với việc làm ăn thua lỗ trước đó dẫn đến nợ nần. Từ năm 2019, T đã lợi dụng các mối quan hệ quen biết từ trước, chủ động đưa ra thông tin gian dối để vay tiền của nhiều người khác (trong đó có 06 bị hại trong vụ án này) rồi sử dụng đánh bạc bằng hình thức đánh số đề, xoay vòng trả nợ cho các cá nhân T vay mượn trước đó và tiêu xài cá nhân.

Đến tháng 3 năm 2020, khi biết số tiền dư nợ ngày càng nhiều và bị các chủ nợ liên tục đòi tiền trong khi không còn khả năng chi trả nên đã cùng chồng đưa con đi đến phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương thuê nhà trọ, lẩn trốn cho đến khi bị bắt.

Trịnh Thị Thanh T thừa nhận các giấy mượn tiền do 06 cá nhân cung cấp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra là do T viết khi vay tiền của họ. Tuy nhiên, trong số tiền 2.135.000.000 đồng (*Hai tỷ một trăm ba mươi lăm triệu đồng*) mà 06 bị hại tố giác, T đã nhiều lần trả lại và chỉ còn nợ số tiền khoảng 800.000.000 đồng (*Tám trăm triệu đồng*), nhưng việc trả lại tiền này không có giấy tờ, tài liệu chứng minh. Tuy nhiên, sau khi được đối chất Trịnh Thị Thanh T thừa nhận số tiền đã mượn của 06 bị hại như các bị hại tố giác, đã trả được 229.000.000 đồng (*Hai trăm hai mươi chín triệu đồng*), số tiền T chiếm đoạt và bỏ trốn là 1.906.000 đồng (*Một tỷ chín trăm linh sáu triệu đồng*).

Việc T vay tiền của 06 bị hại mục đích làm gì thì Võ Trần Anh M không biết, cho đến khi có yêu cầu của Võ Thị T, Phạm Thị Ánh T và Nguyễn Thị C để ký vào “Giấy mượn tiền” để đảm bảo việc trả nợ thì T mới đưa cho M ký vào 07 tờ “Giấy mượn tiền” như 04 cá nhân giao nộp. Đến khi mất khả năng trả nợ thì T bàn với M bỏ trốn khỏi địa phương thì M đồng ý.

Đến tháng 8 năm 2020, khi hai vợ chồng M-T đang bỏ trốn thì chị Bùi Thị Thúy, Trưởng phòng kế hoạch, kinh doanh, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, C nhánh P thông báo yêu cầu thanh toán tiền nợ tại Ngân hàng, nên đã nhờ tìm người mua lại nhà và đất tại số 52A Ngô Thị Nhậm, phường Phù Đồng, thành phố P, tỉnh Gia Lai để trả nợ gốc và lãi mà hai vợ chồng M, T đã

thế chấp vay số tiền 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng) vào ngày ngày 25/12/2019.

Ngày 25/8/2020, Trịnh Thị Thanh T và Võ Trần Anh M làm hợp đồng bán nhà và chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại số 52A N, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai cho bà Nguyễn Thị Đ (sinh năm: 1980, trú tại: Tổ 06, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai) cùng chồng là Nguyễn Đăng Huỳnh với thỏa thuận bà Đ trả 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng) tiền gốc và 290.986.301 đồng (Hai trăm chín mươi triệu, chín trăm tám mươi sáu ngàn, ba trăm linh một đồng) tiền lãi để thanh lý hợp đồng tín dụng, rút tài sản thế chấp rồi ký hợp đồng công chứng sang tên quyền sử dụng đất cho vợ chồng Huỳnh- Đ.

Võ Trần Anh M khai nhận: M mở ga-ra chăm sóc xe ô tô tại số 294 Lý Thái Tổ, phường Yên Đỗ, thành phố P từ năm 2017 và có quan hệ quen biết với 05 bị hại trong vụ án này từ trước. Do M thường xuyên ở trên tiệm rửa xe nên không biết được sự việc Trịnh Thị Thanh T đặt vấn đề vay tiền của họ như thế nào cho đến khi được T nói ký xác nhận trong 07 giấy mượn tiền của 04 bị hại nhằm đảm bảo việc trả nợ cho họ.

Tại các Kết luận giám định số 659/KLGĐ ngày 17/9/2020; số 321/KLGĐ, ngày 17/5/2021 và số 113/KLGĐ ngày 28/02/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Gia Lai đối với chữ viết, chữ ký trên các “GIẤY MƯỢN TIỀN” đề các ngày 17/01/2019; 25/01/2019; 17/02/2019; 06/01/2020 (trừ dòng chữ viết “Nguyễn Hữu K”, “06 Ngô Thị Nhậm”, “Người cho mượn”) và dòng chữ “Lấy Ngày 12/12/2020 ÂL. Đóng ngày 13/12/2020 ÂL” phía mặt sau “GIẤY MƯỢN TIỀN”; 09/9/2019; 11/9/2019; 01/11/2019; 07/12/2019; 24/01/2020; 24/9/2019; 01/11/2019; 29/12/2019 (trừ chữ viết “30 Ng”); 21/01/2020 (trừ chữ viết “30 Ng”); 17/12/2019; 13/09/2019 và 19/01/2020 (trừ chữ viết có nội dung “N”, “90/74 Trường Chinh”) so với chữ viết, chữ ký của Trịnh Thị Thanh T trên các mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

Chữ ký, chữ viết họ tên “Võ trần anh M” dưới mục “Người mượn tiền (Ký, ghi rõ họ tên)” trên GIẤY MƯỢN TIỀN” đề các ngày 09/9/2019; 24/9/2019; 01/11/2019; 17/12/2019; 21/01/2020 so với chữ viết, chữ ký của Võ Trần Anh M trên các mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra. Chữ viết, chữ ký trên “GIẤY MƯỢN TIỀN” đề ngày 06/01/2020 (trừ chữ viết có nội dung “N”, “90/74 Trường Chinh”) và chữ viết chữ ký “Võ trần anh M” dưới mục “Người mượn tiền” GIẤY MƯỢN TIỀN” đề ngày 13/9/2019 so với chữ viết của Võ Trần Anh M trên các mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2022/HS-ST ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Trịnh Thị Thanh T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Tuyên bố bị cáo Võ Trần Anh M phạm tội “*Không tố giác tội phạm*”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

2.1 Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Trịnh Thị Thanh T 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 19/01/2021.

2.2 Áp dụng khoản 1 Điều 390; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Trần Anh M 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự, phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/8/2022, bị cáo Trịnh Thị Thanh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 26/8/2022, bị cáo Võ Trần Anh M kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Trịnh Thị Thanh T rút toàn bộ kháng cáo và xin cho chồng là bị cáo Võ Trần Anh M được hưởng án treo. Bị cáo M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án như sau: Các bị cáo T, M kháng cáo hợp lệ; đối với bị cáo T đã rút toàn bộ kháng cáo đề nghị đình chỉ xét xử đối với bị cáo T; đối với bị cáo Võ Trần Anh M đủ điều kiện được hưởng án treo; do đó đề nghị sửa Bản án sơ thẩm cho bị cáo Võ Trần Anh M được hưởng án treo, giao bị cáo cho địa phương giám sát giáo dục.

Người bào chữa cho bị cáo T: Đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo T.

Bị cáo M: Hoàn cảnh gia đình khó khăn cha mẹ già yếu bệnh tật con còn nhỏ, vợ bị cáo đi tù đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo để chăm sóc gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trịnh Thị Thanh T đã rút toàn bộ kháng cáo, căn cứ vào quy định tại Điều 348 BLTTHS, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo T, Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo T.

[2] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Võ Trần Anh M, thấy:

[2.1] Về hành vi phạm tội và tội danh của bị cáo: Căn cứ vào lời khai nhận tội có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa của bị cáo, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Từ ngày 17/9/2019, đến ngày 24/01/2020, bị cáo Trịnh Thị Thanh T (là vợ của bị cáo M) không kinh doanh buôn bán gì nhưng đưa ra thông tin gian dối vay tiền để làm ăn của 06 người bị hại chiếm đoạt tổng số tiền 1.906.000.000 đồng; bị cáo Võ Trần Anh M không biết và không tham gia vào việc mượn tiền của bị cáo T đối với các bị hại, nhưng tháng 3/2020 khi biết bị cáo T không còn khả năng trả nợ cho các bị hại, bị cáo M đã đồng ý với bị cáo T bỏ trốn. Tòa án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Võ Trần Anh M về tội “*Không tố giác tội phạm*” là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2.2] Bị cáo Võ Trần Anh M phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 390 BLHS có khung hình phạt từ 6 tháng đến 3 năm tù. Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo bị cáo M mức án 6 tháng tù là không nặng. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo M có nhiều tình tiết giảm nhẹ, quá trình tố tụng thật thà khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự; gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo M và bị cáo T là hai vợ chồng có một con chung sinh năm 2012 và đang nuôi dưỡng, quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, bị cáo M có nơi cư trú rõ ràng và có đủ điều kiện được hưởng án treo; do đó chấp nhận kháng cáo của bị cáo M và đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sửa bản án sơ thẩm cho bị cáo M được hưởng án treo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách cũng có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm bồi thường dân sự, về xử lý vật chứng, về án phí dân sự và hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bị cáo T và bị cáo M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 348; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Trịnh Thị Thanh T; Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2022/HS-ST ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đối với bị cáo Trịnh Thị Thanh T có hiệu lực pháp luật.

2. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Trần Anh M sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2022/HS-ST ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 390; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 65 Bộ luật hình sự 2015;

Xử phạt bị cáo Võ Trần Anh M 06 (sáu) tháng tù về tội “*Không tố giác tội phạm*” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 24/11/2022).

Giao bị cáo Võ Trần Anh M cho Ủy ban nhân dân phường Phù Đồng, thành phố P, tỉnh Gia Lai để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; trường hợp bị cáo M thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm số 76/2022/HS-ST ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai về trách nhiệm bồi thường dân sự, về xử lý vật chứng, về án phí hình sự và dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí: Bị cáo Trịnh Thị Thanh T và bị cáo Võ Trần Anh M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao – Vụ 1;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV – Công an tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ vụ án, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn

